

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :304

Sang : Bún riêu tôm kho cá chua trồng gia
huyết nấu hủ ngo gai
Sõa grow
Trõa : Cõm bõ kho cá rõt nõu cõve nõõc dõa
Canh rau ngõt mõõp hen thõt heo nác
Mon xao: nõu nõu
Xe: nõõc chanh
Xe chieu: Phõ ga cá rõt củ cỏi gia hanh tay
rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Tre 37056				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nõn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Rạm (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tõm kho	500	78,100	390,500
3	Hẽn	1,000	18,380	183,800
4	Nõõc mãm Cá (loai 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nõõng cat	7,000	3,880	271,600
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ may	17,000	2,630	447,100
9	Hanh lã	1,200	8,400	100,800
10	Hanh củ tõi	1,000	6,300	63,000
11	Cá rõt	4,500	5,670	255,150
12	Gĩa nõu xanh	2,000	2,730	54,600
13	Mõõp	8,000	4,520	361,600
14	Củ cỏi trắng	500	3,150	15,750
15	Cá chua	3,500	7,670	268,450
16	Rau mùi tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
17	Nõu cõ ve (tõi)	1,000	7,770	77,700
18	Nõu nõu	3,000	4,620	138,600
19	Súp lõ	2,000	9,770	195,400
20	Rau ngõt	3,500	6,300	220,500
21	Hanh tay	500	3,570	17,850
22	Rau hung	100	12,920	12,920
23	Bún	18,000	1,710	307,800
24	Nấu hủ chiên	3,000	3,300	99,000
25	Banh phõ	16,000	1,820	291,200
26	Thõt lõn nác	6,500	17,850	1,160,250
27	Tiệt luoc	1,500	4,180	62,700
28	Thõt bõ loai 1	9,000	37,800	3,402,000
29	Thõt ga loai 1	3,000	12,920	387,600
30	Chanh	10,000	5,670	567,000
31	Trõng võt	2,500	5,400	135,000
32	Nõõc dõa tõi	4,000	2,420	96,800
Cong				10,034,880
	*XUAT KHO			
33	Sõa bõt Abbot Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tong tiền thức phẩm				11,264,880 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tiền nõõc chỉ trong ngay				11248000(ñ)
Số dõ nõu ngay				0(ñ)
Số dõ cuoi ngay				-16880(ñ)
Xuất ăn luy ke tõ nõu thang				
Tiêu chuan luy ke tõ nõu thang				
Tiền chỉ luy ke tõ nõu thang				